

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2023

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Chiến

2. Ông Nguyễn Hữu Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09/01/2024, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXX-ST ngày 14/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Khu V, xã V, huyện Đ, tỉnh P

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Khu V, xã V, huyện Đ, tỉnh P

Chị Tr và anh H đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu Tr trình bày:

Chị và anh Phạm Văn Hg kết hôn năm 2018 trên cơ sở hai bên đều tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã V. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Từ tháng 6/2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Phạm Trà M, sinh ngày 21/6/2019, hiện cháu đang ở với bố mẹ anh H (vợ chồng chị đều đi làm nên nhờ bố

mẹ anh H trông con). Sau khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị Tr xác nhận không có.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn là anh Phạm Văn H xác nhận việc kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị Tr xin ly hôn anh nhất trí.

- Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Phạm Trà M, sinh ngày 21/6/2019, hiện cháu đang ở với bố mẹ anh. Sau khi ly hôn anh cũng xin được nuôi con và không yêu cầu chị Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Anh H cũng xác nhận không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Trà M, sinh ngày 21/6/2019. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Trang do chị Tr không yêu cầu.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị Trang và anh H đều xác nhận không có nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tr và anh H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu Tr cư trú tại xã V, huyện Đ, tỉnh P khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với bị đơn là anh Phạm Văn H cư trú cùng địa chỉ, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Phạm Văn H đăng ký kết hôn ngày 18/12/2018 tại UBND xã V, huyện Đ trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống với nhau. Từ tháng 6/2023 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh H đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh

phúc, bền vững không đạt được. Do vậy việc chị Tr và anh H đều nhất trí ly hôn là tự nguyện, cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị Tr và anh H có 01 con chung là Phạm Trà M, sinh ngày 21/6/2019. Sau khi ly hôn chị Tr và anh H đều xin được nuôi con. Xét thấy chị Tr và anh H đều cùng làm việc tại Công ty TNHH C, tại khu công nghiệp B, xã T, huyện B, tỉnh V và đều có thu nhập như nhau (bình quân 10.000.000đ/tháng). Bố mẹ chị Tr và bố mẹ anh H đều có đơn đề nghị nhất trí tạo điều kiện về chỗ ở và chăm sóc con cho chị Tr và anh H. Tuy chị Tr và anh H đều có đủ điều kiện nuôi con như nhau, nhưng cháu M là con gái, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Do vậy sau khi ly hôn sẽ giao cháu M cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị Tr không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Chị Tr và anh H đều xác nhận không có nên không phải giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tr và anh H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Trà M, sinh ngày 21/6/2019, kể từ tháng 4/2024 cho đến khi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Tr. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Không phải giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thu Tr phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Số tiền chị Tr phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: 0002126 ngày 09/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoàn Hùng. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu Tr 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Phạm Văn H phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng)

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Tr và anh H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã Vân Du;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Vũ Thường